

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **197/2022/DS-ST**

Ngày: 08/6/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Ông **Trương Hoàng Hoa**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 261/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS ngày 14/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-DS ngày 09/05/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diệu B**, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Diễm C**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện A, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu B trình bày:**

Do quen biết nên khoảng từ đầu năm 2018 đến năm 2021 bà có cho chị Trần Thị Diễm C vay mượn 14 lần. Sau đó chị C có viết biên nhận ngày 22/4/2021 gom tổng cộng tất cả các biên nhận trước đó với số tiền 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), cam kết trả trong thời hạn 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Việc thỏa thuận lãi suất chỉ nói không ghi vào biên nhận, mục đích vay mượn là đáo hạn Ngân hàng. Từ lúc vay mượn tiền đến nay thì chị C chỉ trả lãi theo thỏa thuận là 2%/tháng, hoàn toàn không có trả vốn. Việc trả lãi không ghi hay viết vào sổ và chị C trả bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ. Từ khi chị C chốt gom biên nhận ngày 22/4/2021 thì chị C không trả cho bà B lãi hay vốn nữa, cố tình tránh né không thực hiện việc trả nợ như cam kết.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu chị C phải trả cho bà số tiền 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

* Tại bản tự khai chị Trần Thị Diễm C trình bày: Chị có vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị Diệu B để đáo hạn Ngân hàng, mức lãi suất bà B qui định là 5%/tháng. Đối với giấy vay nợ bà B giao nộp cho Toà án là giấy nợ bà B yêu cầu chị viết lại, bao gồm tiền lãi và nợ gốc. Đối với số tiền gốc vay, từ tháng 8/2019 đến tháng 5/2021 chị đã vay tiền của bà B nhiều lần và đã trả lãi suất như đã thoả thuận. Hiện nay số tiền vay gốc chị vay của bà B là 3.200.000.000 đồng, đã trả lãi tổng cộng là 2.041.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà B chị chỉ đồng ý một phần, đề nghị xem xét cho chị được trừ số lãi đã trả vào số tiền nợ gốc, chị đồng ý trả cho bà B số tiền 1.159.000.000 đồng, trả trong thời gian là 01 năm do hiện nay có khó khăn, dịch bệnh ảnh hưởng đến công việc.

* **Tại phiên tòa**, bà Nguyễn Thị Diệu B vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện chị Trần Thị Diễm C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệu B kiện chị Trần Thị Diễm C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền 3.200.000.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà B và chị C có xác lập quan hệ vay mượn tiền nhiều lần, cụ thể: ngày 17/10/2018 mượn 200.000.000 đồng; Ngày 16/7/2019 mượn 400.000.000 đồng; Ngày 07/8/2019 mượn 100.000.000 đồng; Ngày 04/11/2019 mượn 50.000.000 đồng; ngày 11/11/2019 mượn 250.000.000 đồng; Ngày 21/01/2020 mượn 100.000.000 đồng; Ngày 19/02/2020 mượn 250.000.000 đồng; Ngày 20/4/2020 mượn 300.000.000 đồng; Ngày 22/4/2020 mượn 150.000.000 đồng; Ngày 15/5/2020 mượn 200.000.000 đồng; Ngày 18/5/2020 mượn 150.000.000 đồng; Ngày 01/6/2020 mượn 250.000.000 đồng; Ngày 16/10/2020 mượn 400.000.000 đồng; Ngày 21/3/2021 AI mượn 400.000.000 đồng, các lần mượn đều có làm biên nhận. Các bên thoả thuận miệng lãi suất thoả thuận là 2%/tháng, mục đích vay là đáo hạn Ngân hàng. Chị C trả lãi đầy đủ cho bà B nhưng đến tháng 02/2021 thì ngưng lãi. Sau khi chị C không còn khả năng trả tiền thì các bên thoả thuận gom tất cả các biên nhận viết lại vào ngày 22/4/2021 với số tiền là 3.200.000.000 đồng, cam kết 01 tháng sau sẽ thanh toán trả cho bà B, từ đó đến nay chị C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà B nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của B. Nay bà B khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Diễm C phải trả số tiền 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với lời trình bày của chị Trần Thị Diễm C cho rằng chị thống nhất với các lần mượn tiền trước đó từ năm 2018 đến năm 2021 và gom lại các biên nhận vào một biên nhận ngày 22/4/2021 là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), chị thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị Diệu B số tiền 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), nhưng đã trả lãi cho bà B là 5%/tháng, tính từ năm 2019 đến tháng 05/2021 chị đã trả cho bà B là 2.041.000.000 đồng (hai tỷ không trăm bốn mươi một triệu đồng) nên chị yêu cầu căn trừ vào tiền vốn, chị đồng ý trả cho bà B số tiền 1.159.000.000 đồng, không đồng ý trả cho bà B 3.200.000.000 đồng. Lời trình bày của chị Diễm C là hoàn toàn không có cơ sở bởi chị không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc chị đã trả lãi 5%/tháng cho B, chứng cứ chứng minh cho việc chị đã trả số tiền lãi là 2.041.000.000 đồng, đồng thời Tòa án đã thông báo về việc nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng chị vẫn không thực hiện và không có đơn khởi kiện phản tố cho yêu cầu căn trừ lãi vào số tiền vốn. Mặt khác chị Diệu B không thừa nhận có việc chị C trả lãi cho bà là 5%/tháng do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của chị C, buộc chị Trần Thị Diễm C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Diệu B số tiền là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng).

[4] Chị Trần Thị Diễm C có đơn xin vắng mặt ngày 09/12/2021, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Diễm C.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn chị Trần Thị Diễm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệu B.

1. Buộc chị Trần Thị Diễm C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Diệu B số tiền 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chị C chậm thi hành án số tiền nêu trên cho bà B thì chị C phải trả cho bà B tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: chị Trần Thị Diễm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Diệu B số tiền tạm ứng án phí 48.534.400 đồng (bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm đồng) theo biên lai thu số 0005103 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Trần Thị Diễm C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ánh Hồng